

Bản án số: **444/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-08-2022

V/v Ly hôn giữa bà L và ông C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

2. Ông Lê Huỳnh Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L - sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy C - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Duy C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 15/3/2001. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2013 ông C bỏ đi khỏi nhà cho đến nay, không có bất kỳ liên hệ gì với gia đình. Bà L và gia đình đi kiếm nhiều nơi, kể cả đăng báo, nhắn tin trên các phương tiện truyền thông nhưng cũng không có thông tin

gì của ông C. Năm 2021 bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông C, Tòa án đã giải quyết theo Quyết định số 42/2022/QĐST-DS ngày 04/3/2022. Sau gần 10 năm không gặp nhau, tình cảm giữa bà L và ông C không còn, cả hai bên không còn ràng buộc nhau về kinh tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy Chung T (nam), sinh ngày 12/09/2001 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn là Ông Nguyễn Duy C: Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Ly hôn”, do bị đơn cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn 21, quyển số

01 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Nam, quận Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 15/03/2001. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy C là tự nguyện, tiến bộ và hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà L thì sau gần 10 năm không gặp nhau, tình cảm giữa bà L và ông C không còn, cả hai bên không còn ràng buộc nhau về kinh tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin được ly hôn với ông C.

Xét thấy: Tòa án ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông C theo Quyết định số 42/2022/QĐST-DS ngày 04/03/2022 nhưng ông C vẫn không có tin tức gì. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông C vẫn không đến. Chứng tỏ ông C không có thiện chí cùng bà L xây dựng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông C là có thật, một trong hai bên đã không tha thiết vun đắp cuộc sống chung là tôn trọng, bình đẳng, hạnh phúc làm cho hôn nhân giữa họ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy C.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 302, quyển số 02/2001 ngày 21/11/2001 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Nguyễn Duy Chung T (nam), sinh ngày 12/09/2001 là con chung của bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy C.

Xét thấy, trẻ Nguyễn Duy Chung T đủ tuổi trưởng thành, theo cha hay mẹ tùy ý. Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà L khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông C không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy C.

- Về con chung: Trẻ Nguyễn Duy Chung T (nam), sinh ngày 12/09/2001 đã trưởng thành, theo cha hay mẹ tùy ý. Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Bùi Thị L khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Ông Nguyễn Duy C không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0018624 ngày 04/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Duy C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân